TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **Thành phố H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 758/2018/QĐST-HNGĐ	*T , ngày 23 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 677/2018/HNST ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành C , sinh năm 1973; Địa chỉ thường trú: 1917/26 P, phường 6, Quận X, TP.H; Chỗ ở: 140C N, phường 8, quận P

Bị đơn: Bà Ngô Thị Anh Thư, sinh năm 1972; Địa chỉ thường trú: 1917/26 P, phường 6, Quận X, TP.H; Chỗ ở: Lô B Phòng 9.10 Chung cư R, phường T, quận T , TP.H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Thành C và bà Ngô Thị Anh T .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành C và bà Ngô Thị Anh T .

Quan hệ hôn nhân giữa giữa ông Nguyễn Thành C và bà Ngô Thị Anh T chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2003, ngày 21/5/2003 do Ủy ban nhân dân phường 6, Quận X, Thành phố H cấp cho ông Chơn và bà Thư không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành P , sinh ngày 04.01.2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 7/2018 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà T hoặc Ông C , hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp Ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

- Về án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) do Ông C tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Ông C đã nộp theo biên lai thu số 0011353 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T . Ông C đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. T ;
- UBND phường 6,
Quận X, TP.H;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh)

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Trúc Lý